ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1145/UBND-KT	*An Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2026*

V/v thực hiện Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí

Kính gửi:
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thuế tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XX;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí hết hiệu lực thi hành kể từ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

Thực hiện Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

Để tổ chức thực hiện việc khai, thu, nộp phí, lệ phí; quyết toán phí; quản lý và sử dụng phí; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức trong việc thu, nộp phí, lệ phí, quản lý và sử dụng phí, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Về khai, thu, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí

1.1. Người nộp phí, lệ phí thực hiện khai (nếu có), nộp phí, lệ phí theo tháng, quý, năm hoặc theo từng lần phát sinh. Căn cứ tính chất, đặc điểm của từng khoản phí, lệ phí và tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể hình thức nộp, kỳ khai, nộp cho từng khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí.

Người nộp phí, lệ phí nộp tiền phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo một trong các quy định sau đây:

a) Nộp trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước.

b) Nộp cho tổ chức thu phí, lệ phí bằng tiền mặt hoặc theo hình thức không dùng tiền mặt vào tài khoản chuyên thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

c) Nộp cho cơ quan, tổ chức khác với tổ chức thu phí, lệ phí, áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

1.2. Cơ quan, tổ chức nhận tiền phí, lệ phí khác với tổ chức thu phí, lệ phí theo quy định tại tiết c, điểm 1.1 khoản 1 nêu trên có trách nhiệm chuyển toàn bộ số tiền phí, lệ phí thu được vào tài khoản thu ngân sách nhà nước mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc nộp vào tài khoản chuyên thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí mở tại tổ chức tín dụng hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được tiền phí, lệ phí.

1.3. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện khai, nộp phí, lệ phí và quyết toán phí thu được như sau:

a) Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 2 và tổ chức thu lệ phí quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP thực hiện khai, nộp phí, lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Riêng tổ chức thu phí hải quan, lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh không phải khai phí, lệ phí và thực hiện nộp phí, lệ phí theo quy định tại điểm b khoản này.

b) Tổ chức thu phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP và tổ chức thu phí không phải là cơ quan nhà nước quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP thực hiện nộp toàn bộ số tiền phí thu được của tháng trước, bao gồm cả khoản tiền lãi phát sinh vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 05 hằng tháng.

Tổ chức thu phí thực hiện khai số tiền phí thu được của tháng trước theo quy định pháp luật về quản lý thuế và nộp số tiền phí còn phải nộp từ tài khoản phí chờ nộp ngân sách nhà nước vào ngân sách nhà nước chậm nhất ngày 20 hằng tháng.

Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Phí và lệ phí có quy định về thời hạn tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu được trong kỳ vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách hoặc tài khoản thu ngân sách nhà nước định kỳ hằng ngày hoặc hằng tuần thì thực hiện theo quy định đó.

c) Hằng năm, tổ chức thu phí thực hiện quyết toán số tiền phí thu được theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

1.4. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện lập và cấp chứng từ thu phí, lệ phí cho người nộp phí, lệ phí theo quy định của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ và thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

1.5. Tổ chức thu phí, lệ phí thực hiện tính tiền chậm nộp, xử lý số tiền phí, lệ phí nộp thừa, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện một số biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

1.6. Đồng tiền khai, thu, nộp phí, lệ phí thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và quy định cụ thể đối với từng loại phí, lệ phí. Trong đó:

a) Phí, lệ phí thu tại Việt Nam bằng đồng Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật quy định được thu phí, lệ phí bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Trường hợp quy định thu bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi thì được thu bằng ngoại tệ hoặc thu bằng đồng Việt Nam trên cơ sở quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá như sau:

Trường hợp nộp phí, lệ phí tại ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác thì áp dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng nơi người nộp phí, lệ phí mở tài khoản tại thời điểm nộp phí, lệ phí.

Trường hợp nộp phí, lệ phí qua Kho bạc Nhà nước thì áp dụng tỷ giá hạch toán ngoại tệ tại thời điểm nộp phí, lệ phí do Bộ Tài chính công bố.

Trường hợp nộp phí, lệ phí trực tiếp bằng tiền mặt hoặc theo hình thức khác cho tổ chức thu phí, lệ phí thì áp dụng tỷ giá ngoại tệ mua vào theo hình thức chuyển khoản của Hội sở chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nộp phí, lệ phí hoặc cuối ngày làm việc liền trước ngày lễ, ngày nghỉ.

b) Phí, lệ phí thu ở nước ngoài được thu bằng tiền của nước sở tại hoặc bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi.

2. Về nguyên tắc quản lý và sử dụng phí

a) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước quy định tại điểm a, điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP thực hiện được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

b) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức thu phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 362/2025/NĐ-CP; phần còn lại nộp ngân sách nhà nước.

c) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức thu phí không phải là cơ quan nhà nước quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải

chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ; phần còn lại nộp ngân sách nhà nước. Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.

3. Về xác định tỷ lệ để lại và quản lý, sử dụng phí

Các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.

4. Về tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thu phí, lệ phí

a) Căn cứ khoản 1, 2 Điều 7 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP và Công văn số 1167/UBND-KT ngày 07/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tham mưu, đề xuất ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, các tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm xây dựng đề án thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh bao gồm các nội dung sau:

- Đề án thu phí gồm: Phương thức cung cấp dịch vụ, thu phí; dự kiến mức thu, căn cứ xây dựng mức thu; đối tượng chịu phí; miễn, giảm phí; dự toán thu, chi; tỷ lệ để lại; đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí, hiệu quả thu phí.

- Đề án thu lệ phí gồm: Phương thức cung cấp dịch vụ, thu lệ phí; dự kiến mức thu, căn cứ xây dựng mức thu; đối tượng chịu lệ phí; miễn, giảm lệ phí; đánh giá khả năng đóng góp của người nộp lệ phí, hiệu quả thu lệ phí.

Trường hợp khoản phí, lệ phí do nhiều tổ chức cùng thực hiện thu thì không ban hành văn bản riêng cho từng tổ chức thu phí, lệ phí. Giao các Sở, ngành theo nhiệm vụ được giao tại Công văn số 1167/UBND-KT chịu trách nhiệm phối hợp với các tổ chức thu phí, lệ phí xây dựng đề án thu phí, lệ phí theo quy định.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện thẩm định đề án thu phí, lệ phí của tổ chức thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

c) Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, tổ chức thu phí, lệ phí hoàn chỉnh đề án, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

5. Phí, lệ phí có tên trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí chỉ được thu khi có văn bản quy định mức thu.

6. Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP thì từ ngày 01/01/2026, các khoản phí do tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật chuyên ngành đang thực hiện thu trên địa bàn tỉnh (bao gồm các khoản phí do Bộ, ngành

Trung ương và Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành) sẽ thực hiện được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

Do đó, đối với số thu phí được trích để lại cho các tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật chuyên ngành trong năm 2025 (bao gồm số dư các năm trước chuyển sang), đến hết ngày 31/01/2026 (thời gian chỉnh lý) còn dư đã hết nhiệm vụ chi, các tổ chức thu phí phối hợp với Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện nộp toàn bộ số tiền này vào NSNN (trừ nguồn cải cách tiền lương đã trích còn dư). Thời gian hoàn thành chậm nhất hết ngày 15/4/2026.

Ngoài ra, đề nghị các tổ chức thu phí, lệ phí rà soát quy định tại Nghị định số 362/2025/NĐ-CP và tình hình thực tế của địa phương sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, theo nhiệm vụ được giao tại Công văn số 1167/UBND-KT và văn bản hướng dẫn này, khẩn trương phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

Nhận được Công văn này, yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để nghiên cứu, giải quyết, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, pthoanh "HT".

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Lê Trung Hồ